VIETNAM DAILY REVIEW

VN-Index lùi về sát ngưỡng tâm lý 1,700 điểm

Thứ Tư, Ngày 18 Tháng 11 Năm 2026 · BSC Research

VN-INDEX	VN30	HNX-INDEX	UPCOM-INDEX
1,703.01	1,806.54	242.73	121.12
▼ -23.71 (-1.37%)	▼ -30.59 (-1.67%)	▼ -5.87 (-2.36%)	▼ -1.38 (-1.13%)
GTKL (TỶ): 11,211	GTKL (TỶ): 6,103	GTKL (TỶ): 589	GTKL (TỶ): 352
SO TB20: -8.8%	SO TB20: -5.9%	SO TB20: -15.3%	SO TB20: -14.9%
NN (TỶ): -1,114.3	NN (TỶ): -990.2	NN (TỶ): -27.3	NN (TỶ): -11.1

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Áp lực bán gia tăng mạnh, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, đã khiến VN-Index giảm 23.71 điểm (-1.37%) trong phiên hôm nay và lùi về đóng cửa tại mức 1,703.01 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng hẳn về phía tiêu cực với 17/18 ngành giảm điểm; trong đó ngành Bảo hiểm giảm mạnh nhất, theo sau là Công nghệ Thông tin và Tài nguyên Cơ bản. Ở chiều ngược lại, chỉ có ngành Du lịch & Giải trí giữ được sắc xanh. Về giao dịch khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCoM. Về mặt kỹ thuật, áp lực bán dâng cao trong phiên chiều đã đẩy chỉ số lùi về sát ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1,700 điểm (chạm mức thấp nhất 1,701.04 điểm). Tuy nhiên, điểm tích cực là lực cầu bắt đáy cuối phiên xuất hiện khi chỉ số tiệm cận dải dưới của Bollinger Bands (1,697.18 điểm), giúp VN-Index rút chân nhẹ và tạm thời giữ được mốc 1,700 điểm. Dù vậy, mức hồi phục cuối phiên còn khá yếu cùng thanh khoản thấp hơn trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu bắt đáy chưa thực sự quyết liệt. Trong những phiên tới, VN-Index có thể tiếp tục kiểm định vùng hỗ trợ 1,690 – 1,700 điểm; việc giữ vững vùng này sẽ củng cố khả năng hình thành nền đáy ngắn hạn, ngược lại nếu bị xuyên thủng, chỉ số có thể lùi về vùng 1,670 – 1,680 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 đều giảm theo nhịp vận động của chỉ số VN30

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 18/11/2026, phần lớn các chứng quyền giảm.

Điểm nhấn

- VN-Index **-23.71** điểm, đóng cửa tại 1,703.01 điểm. HNX-Index **-5.87** điểm, đóng cửa tại 242.73 điểm. UPCoM-Index **-1.38** điểm, đóng cửa tại 121.12 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: SAB (**+0.17**), KDH (**+0.14**), HVN (**+0.13**), MSB (**+0.12**), MCH (**+0.11**).
- Kéo chỉ số giảm: VIC (**-4.85**), VCB (**-2.24**), VHM (**-1.70**), VPB (**-1.23**), LPB (**-1.02**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 11,211 tỷ đồng, tăng 16.47% so với phiên trước và thấp hơn 8.8% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 17,508 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 30.6 điểm. Sàn HOSE có 64 mã tăng (2 mã trần), 73 mã tham chiếu, 270 mã giảm (5 mã sàn).
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1,114.26** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FPT (**-225.72** tỷ), VIC (**-185.91** tỷ), MBB (**-87.68** tỷ), VCB (**-75.69** tỷ), VHM (**-63.83** tỷ). Đây là phiên bán ròng thứ 2 liên tiếp; luỹ kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-125,038** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-27.30** tỷ đồng và bán ròng trên sàn UPCoM với giá trị **-11.14** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
KDH	41.63	FPT	-225.72
FRT	21.89	VIC	-185.91
BSR	20.97	MBB	-87.68
DCM	15.47	VCB	-75.69
CTD	14.54	VHM	-63.83

HOSE luỹ kế năm: **-125,038** tỷ 2 phiên bán ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,341	-1.03%	-2.40%
FTSE100	10,690	-1.76%	-0.57%
Eurostoxx	6,212	-2.15%	-1.83%
Shanghai	3,588	+0.09%	-2.52%
Nikkei	59,024	+0.28%	-3.63%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	91.76	-1.48%	-1.08%
Giá vàng	3,768	-2.11%	-5.50%
USD/VND	25,703	-0.09%	+0.21%
EUR/VND	28,175	-0.42%	-0.94%
JPY/VND	161	-0.01%	+0.59%
VN LS TPCP 10Y	4.46%	0 bps	-0.1 bps
VN LS LNH 1M	5.80%	+30.0 bps	+40.0 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.

Mở tài khoản tại BSC

Quét mã QR để mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Mục lục

Tổng quan 1
Thống kê thị trường 2
Biểu đồ & dòng tiền 3
Danh mục BSC30 4
Danh mục BSC50 5
Báo cáo gần đây 6
Khuyến cáo sử dụng 7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
SAB	43.00	+1.42%	+0.17	0.84
KDH	16.15	+3.19%	+0.14	19.67
HVN	22.20	+0.91%	+0.13	0.61
MSB	16.50	+0.92%	+0.12	45.33
MCH	132.20	+0.30%	+0.11	0.47

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	245.00	-1.21%	-4.85	1.81
VCB	50.80	-2.50%	-2.24	8.26
VHM	60.80	-1.62%	-1.70	5.27
VPB	21.00	-2.78%	-1.23	15.07
LPB	35.00	-4.63%	-1.02	83.09

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
HHC	78.50	+3.56%	+0.02	0.00
TNG	16.80	+1.20%	+0.02	0.69
VC3	23.40	+0.86%	+0.02	1.25
INN	36.20	+1.69%	+0.01	0.01
IPA	12.10	+0.83%	+0.01	0.00

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
THD	76.50	-8.38%	-1.43	0.03
NVB	14.70	-2.00%	-0.50	0.71
PVS	26.90	-3.24%	-0.31	4.19
DTK	10.30	-6.36%	-0.26	0.00
KSF	67.90	-0.59%	-0.21	0.07

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
MCH	132.20	+0.30%	+0.18	0.47
SAB	43.00	+1.42%	+0.15	0.84
VRE	23.85	0.00%	0.00	4.04
VPL	94.50	0.00%	0.00	0.55
GAS	69.90	-0.14%	-0.02	1.04

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
HPG	20.45	-2.62%	-4.87	22.07
FPT	46.95	-3.20%	-3.90	16.63
LPB	35.00	-4.63%	-3.36	83.09
VIC	245.00	-1.21%	-2.88	1.81
STB	70.20	-2.50%	-2.42	7.91

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
TNC	27.00	+6.93%	0.00
CCI	17.90	+6.87%	0.00
SMA	9.33	+6.63%	0.00
VSI	20.25	+6.58%	0.00
VPG	1.01	+6.32%	0.53

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
VVS	64.40	-6.94%	0.38
DCL	40.95	-6.93%	0.22
HAS	7.96	-6.90%	0.00
SPM	8.24	-6.89%	0.00
HHP	13.00	-6.81%	0.44

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
PBP	10.30	+9.57%	0.00
DS3	3.90	+8.33%	0.01
KSD	5.70	+7.55%	0.00
AMC	14.50	+7.41%	0.00
PV2	1.90	+5.56%	0.21

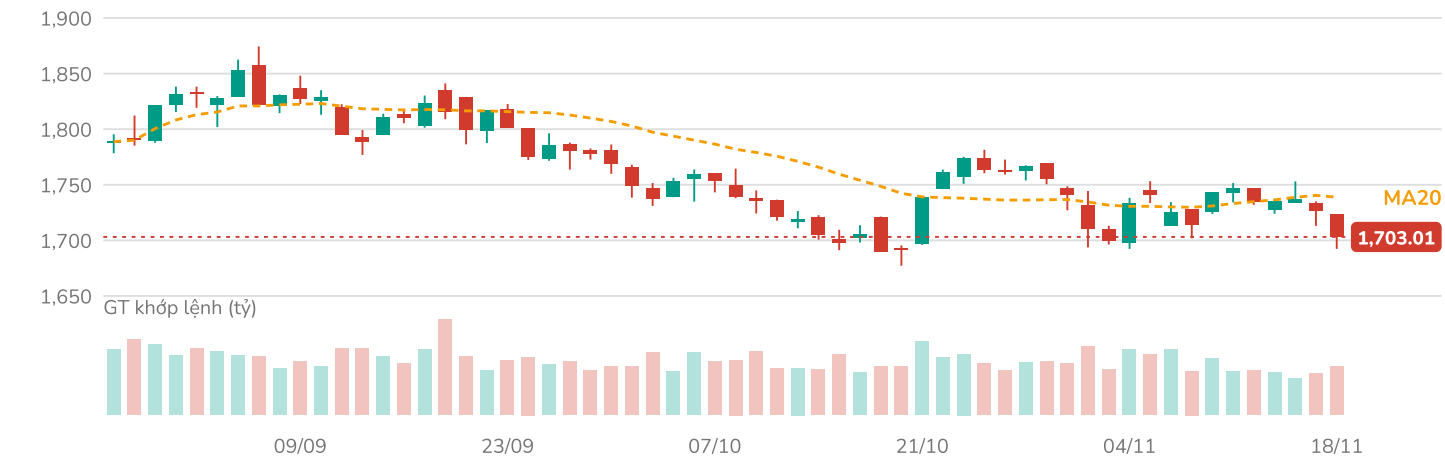
Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
TSB	13.50	-10.00%	0.03
DST	3.60	-10.00%	1.20
DC2	4.50	-10.00%	0.00
CAR	132.30	-10.00%	0.00
SGH	19.00	-9.95%	0.00

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

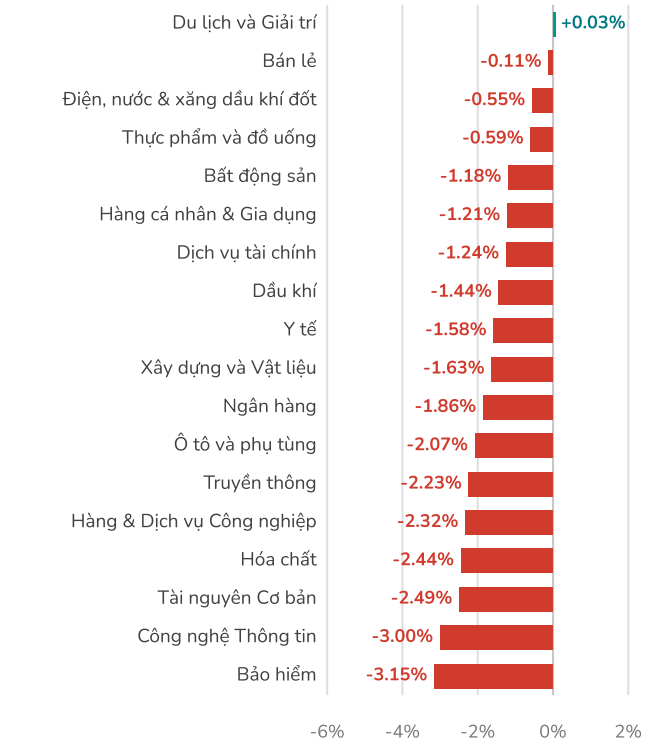
Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên



MA20 = 1,738.71 TB20 GT khớp lệnh: 12,293 tỷ

Diễn biến ngành cấp 2



Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

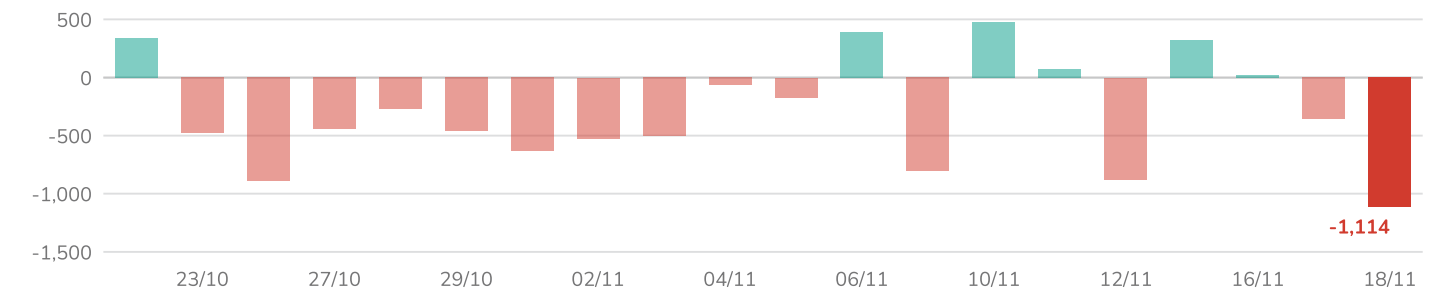
Bảng 1 · Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Bán lẻ	-0.11%	711	30.0
Dầu khí	-1.44%	327	-9.7
Xây dựng và Vật liệu	-1.63%	447	-11.7
Tài nguyên Cơ bản	-2.49%	658	-46.2
Thực phẩm và đồ uống	-0.59%	702	-58.6
Dịch vụ tài chính	-1.24%	2,209	-60.3
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.32%	1,288	-61.7
Công nghệ Thông tin	-3.00%	799	-228.4
Bất động sản	-1.18%	1,837	-235.4
Ngân hàng	-1.86%	7,230	-424.6

Bảng 2 · Theo nhóm vốn hoá VN30 · VNMID · VNSML · tỷ VND

NHÓM VỐN HOÁ	%1D	GTGD	NN RÒNG
VN30	-1.67%	9,658	-990.2
VNMID	-0.94%	6,651	-111.0
VNSML	-1.20%	941	-13.6

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Danh mục BSC30

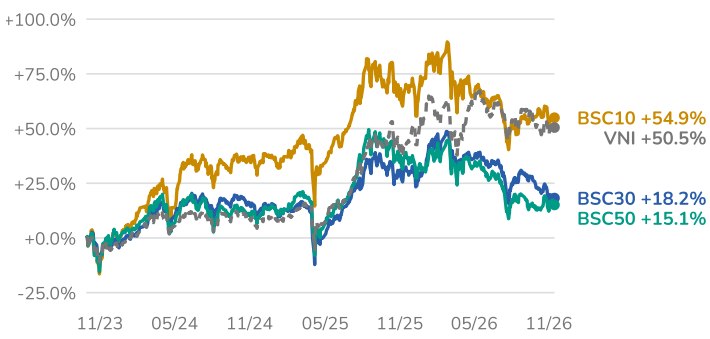
Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.45%**. Các mã diễn biến tích cực: KDH (+3.19%), MSB (+0.92%).
- BSC50 **-1.45%**. Các mã diễn biến tích cực: FRT (+1.78%), SAB (+1.42%), TNG (+1.20%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	-1.45%	-1.45%	-1.37%	-1.67%
1 tuần	-3.16%	-3.39%	-2.51%	-2.63%
1 tháng	-4.72%	-4.11%	-2.05%	-3.94%
3 tháng	-3.14%	-4.53%	-1.37%	-3.69%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích luỹ



Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	72.6	-0.55%	1.0	107,135	176.0	7,556	9.6	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	26.4	-0.94%	1.1	24,909	19.8	1,859	14.2	42.4	6.0%	Link
KDH	Bất động sản	16.1	+3.19%	0.8	20,112	313.4	1,374	11.8	39.9	23.9%	Link
PDR	Bất động sản	11.4	0.00%	1.0	11,375	42.3	540	21.1	28.2	6.9%	Link
VHM	Bất động sản	60.8	-1.62%	1.7	499,461	322.4	12,039	5.0	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	47.0	-3.20%	0.6	88,535	786.2	5,479	8.6	124.4	25.6%	Link
BSR	Dầu khí	24.1	-0.82%	–	120,426	187.3	5,584	4.3	–	1.4%	Link
PVS	Dầu khí	26.9	-3.24%	0.9	16,509	113.6	3,417	7.9	52.3	14.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.0	0.00%	1.0	31,555	690.8	1,054	21.8	–	34.4%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	19.6	-1.51%	1.1	58,660	329.4	1,554	12.6	–	29.8%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	18.9	-2.33%	0.9	21,777	158.0	1,249	15.1	–	14.2%	Link
DCM	Hóa chất	29.9	0.00%	0.4	15,829	70.4	5,132	5.8	53.3	7.0%	Link
DGC	Hóa chất	31.8	-1.70%	0.7	12,077	10.7	4,883	6.5	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	20.2	-0.49%	0.6	117,540	161.1	2,773	7.3	27.1	22.0%	Link
BID	Ngân hàng	30.4	-1.94%	0.9	236,458	166.2	4,524	6.7	–	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	30.5	-1.45%	0.9	236,892	203.4	5,479	5.6	53.5	24.6%	Link
HDB	Ngân hàng	22.2	-0.67%	0.9	144,778	308.9	2,932	7.6	32.7	19.3%	Link
MBB	Ngân hàng	18.8	-0.79%	0.8	189,292	274.2	3,507	5.4	32.4	21.9%	Link
MSB	Ngân hàng	16.5	+0.92%	0.7	61,776	724.1	1,673	9.9	14.0	5.8%	Link
STB	Ngân hàng	70.2	-2.50%	0.7	132,342	537.7	809	86.8	–	10.0%	Link
TCB	Ngân hàng	20.8	-1.89%	1.1	220,559	366.0	2,694	7.7	43.5	20.8%	Link
TPB	Ngân hàng	12.3	-2.37%	0.9	39,398	112.0	2,649	4.7	–	21.9%	Link
VCB	Ngân hàng	50.8	-2.50%	0.8	424,468	422.6	4,986	10.2	–	19.7%	Link
VIB	Ngân hàng	13.4	-2.18%	0.7	50,241	117.0	2,070	6.5	23.0	4.2%	Link
VPB	Ngân hàng	21.0	-2.78%	1.2	210,000	320.6	3,118	6.7	36.5	22.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	16.6	-2.06%	0.8	7,155	87.7	2,348	7.1	28.8	1.4%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	70.7	-1.39%	1.0	103,248	212.9	6,243	11.3	100.4	25.3%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	52.0	-2.26%	0.4	108,678	127.2	5,455	9.5	78.0	49.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	20.4	-2.62%	0.7	172,659	456.3	3,251	6.3	32.2	21.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.3	-3.74%	0.9	8,315	34.5	772	13.3	14.3	3.2%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	40.0	0.00%	1.0	8,934	32.0	4,269	9.4	28.8%	26.7%	Link
FRT	Bán lẻ	148.6	+1.78%	0.8	26,572	63.7	7,598	19.6	33.9%	29.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	59.6	-3.72%	0.7	44,242	43.5	4,560	13.1	27.6%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	10.1	-1.46%	1.0	8,526	44.6	776	13.0	3.1%	6.3%	Link
DXG	Bất động sản	11.2	0.00%	1.1	14,139	107.6	92	121.7	15.7%	0.8%	Link
HDC	Bất động sản	12.8	+0.79%	1.0	2,940	39.7	690	18.6	1.3%	6.6%	Link
IDC	Bất động sản	34.2	-0.58%	0.8	14,277	91.3	4,365	7.8	15.2%	26.8%	Link
NLG	Bất động sản	23.7	-0.42%	0.8	11,497	22.6	1,026	23.1	35.0%	3.8%	Link
SIP	Bất động sản	49.5	-1.20%	0.8	11,985	5.9	5,778	8.6	2.2%	27.1%	Link
SZC	Bất động sản	19.1	-3.05%	1.0	3,438	17.5	891	21.4	1.3%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	13.3	+0.75%	1.0	13,394	97.5	793	16.8	10.2%	6.8%	Link
VIC	Bất động sản	245.0	-1.21%	1.4	1,901,736	444.8	5,557	44.1	3.0%	26.1%	Link
VRE	Bất động sản	23.9	0.00%	1.5	54,195	95.5	3,255	7.3	10.9%	14.9%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	16.9	-2.60%	0.8	3,924	5.3	1,687	10.0	35.2%	11.9%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	138.2	-0.43%	0.8	106,289	109.1	2,866	48.2	5.3%	8.5%	Link
PLX	Dầu khí	30.8	-2.53%	0.9	39,851	64.1	3,022	10.2	14.4%	14.6%	Link
PVD	Dầu khí	15.7	-3.40%	0.8	14,519	75.9	976	16.0	8.0%	5.3%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	18.4	-1.34%	0.9	7,028	10.5	1,054	17.5	24.6%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	15.5	-1.90%	0.9	15,514	59.5	1,562	9.9	0.3%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.9	-2.68%	1.7	26,104	751.6	762	26.2	5.5%	5.2%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	51.2	-1.35%	0.9	33,246	139.9	4,184	12.2	37.4%	19.7%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.1	-1.50%	0.8	8,844	13.8	6,594	7.0	3.5%	25.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.0	-4.04%	0.7	9,821	137.4	2,977	6.4	15.4%	16.6%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	41.8	-5.75%	0.7	8,439	35.7	2,174	19.2	3.9%	18.0%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	13.7	-4.86%	1.4	7,011	103.6	3,302	4.2	23.7%	12.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.7	-0.68%	0.8	1,729	19.6	1,741	8.4	48.0%	8.4%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.8	+1.20%	0.7	2,163	11.5	3,692	4.5	22.2%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	18.4	-3.66%	0.5	12,511	59.8	2,320	7.9	3.1%	13.8%	Link
GVR	Hóa chất	27.2	-2.86%	1.6	108,800	31.5	2,111	12.9	0.5%	14.1%	Link
EIB	Ngân hàng	15.9	-0.31%	1.2	29,617	230.0	103	154.9	0.8%	0.7%	Link
LPB	Ngân hàng	35.0	-4.63%	0.6	104,555	2,845.5	4,048	8.7	1.5%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	12.5	-0.79%	0.5	26,985	24.5	2,365	5.3	1.1%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	10.6	+0.47%	0.6	32,463	16.6	1,482	7.2	18.8%	12.8%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.2	-3.56%	1.0	4,327	19.0	2,961	5.5	1.6%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.1	-0.48%	0.5	12,843	43.3	252	123.8	3.2%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	43.0	+1.42%	0.3	55,150	35.6	3,623	11.9	58.8%	22.2%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	51.0	-0.78%	0.7	10,682	7.6	5,503	9.3	17.4%	12.8%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.1	-2.03%	0.9	5,933	122.5	494	24.4	5.1%	3.2%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	128.1	-0.39%	0.5	10,486	5.3	15,292	8.4	81.7%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	70.5	-2.08%	0.8	7,884	43.7	7,145	9.9	48.6%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	57.8	-3.02%	0.7	7,405	24.6	5,223	11.1	5.3%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	31.6	+0.80%	0.7	3,747	15.2	3,735	8.5	18.4%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.3	-1.89%	0.8	5,354	26.0	1,241	7.5	10.3%	6.1%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	16.6	-0.30%	0.8	7,828	13.0	2,352	7.0	8.1%	16.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	14.9	-0.33%	0.7	10,403	37.2	1,607	9.3	2.0%	9.7%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	37.3	-4.60%	1.1	16,723	55.8	4,003	9.3	0.8%	20.6%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.9	-0.14%	1.0	168,665	72.5	6,110	11.4	2.1%	21.2%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.8	-1.47%	0.8	6,817	38.5	1,999	8.4	15.7%	11.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.4	+1.13%	0.9	41,109	426.9	2,353	5.7	4.9%	17.9%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	47.2	-2.68%	0.4	29,424	31.0	4,420	10.7	49.0%	12.8%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator | 11.2026: Cập nhật thông tin liên quan hoạt động cổ phần hóa thoái vốn DNNN giai đoạn 2026-2030	x		Xem
2	BSC Navigator | 10.2026: Hướng tới mục tiêu tăng trưởng GDP hơn 12% trong quý 4/2026	x		Xem
3	BSC Navigator | T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
4	BSC Navigator | T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
5	BSC Insight | Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
6	BSC Insight | Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Xem
7	BSC Navigator | T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
8	BSC Navigator | T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
9	BSC Navigator | T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
10	BSC Navigator | T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
11	BSC Insight | FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
12	BSC Navigator | 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
13	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
14	BSC Insight | Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
15	BSC Navigator | T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
16	BSC Navigator | T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
17	BSC Navigator | 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
18	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
19	BSC Navigator | T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
20	BSC Navigator | T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
21	BSC Navigator | T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
22	BSC Insight | Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
23	BSC Navigator | T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
24	BSC Navigator | T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm
Ngành - Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung
Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660 Khu vực miền Nam: (028) 38218 889 Website: http://www.bsc.com.vn